

Bản án số: 23/2021/HSST

Ngày: 23-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông: Trần Quang Bình;

- Bà: Phạm Thị Hồng Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - KSV.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với:

1- Bị cáo: Đặng Văn T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Đặng Đức Q (đã chết); Con bà: Đào Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Ngày 02/8/2019 bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản số tiền: 1.500.000đồng (bị cáo chưa nộp phạt); Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 29/12/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội Đánh bạc; Ngày 12/9/2012 bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 28/01/2021 sau đó chuyển tạm giam ngày 31/01/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

2- Bị hại:

- Ông Vũ Văn D, sinh năm 1945 và bà Ngô Thị Y, sinh năm 1950.

Đều trú tại: Thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lý Thành L, sinh năm 1989; Trú tại: Số nhà 18B, đường T phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1989. HKTT tại: Thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đào Thị Y, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4- Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1977; Trú tại: Số nhà 168, đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 31/10/2020, Nguyễn Minh T2, sinh năm 1986 ở thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên, điều khiển xe ô tô tải; BKS: 89C - 140.59 (đăng ký xe mang tên Đào Thị Y, sinh năm 1989 là vợ của T2) đến thôn D, xã C, huyện K để ứng tiền nhạc đám cưới. Khi đi, T2 rủ Đặng Văn T1, sinh năm 1984 ở cùng thôn đi cùng. Do không ứng được tiền nên T2 điều khiển xe ô tô chở T1 quay về thì T1 nhìn thấy 02 chiếc xe đạp nữ (01 chiếc mini màu xanh, 01 chiếc màu trắng) của vợ chồng ông Vũ Văn D, sinh năm 1945 và bà Ngô Thị Y, sinh năm 1950 ở thôn D, xã C, huyện K đang dựng ở lề đường cạnh tường bao, T1 nảy sinh ý định và rủ T2 trộm cắp 02 chiếc xe đạp trên. T2 đồng ý, dùng xe cùng T1 bê 02 chiếc xe đạp lên thùng xe ô tô rồi điều khiển xe ô tô xuống thành phố Hưng Yên bán 01 chiếc xe đạp màu trắng cho chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1977 ở số nhà 168, đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, với số tiền 100.000 đồng, sau đó chị H đã cho một nam thanh niên tên là T làm nghề thuyền chài; 01 chiếc xe đạp màu xanh bán cho anh Lý Thành L, sinh năm 1989 ở số nhà 18B, đường T, phường Q, thành phố H, với số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền bán được, T1 và T2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, Ông D làm đơn trình báo Công an xã C. Ngày 03/11/2020, Công an xã C chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện K để giải quyết. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trích xuất camera lưu hình ảnh vụ việc xảy ra; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 ở thôn L, thị trấn L (là bố đẻ của T2) đã giao nộp chiếc xe ô tô tải; BKS: 89C - 140.59 cùng 01 chìa khóa của xe ô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã quản lý được 01 chiếc xe đạp màu xanh của anh L, còn 01 chiếc xe đạp màu trắng do chị H đã cho T nhưng chị không biết họ tên, địa chỉ của T và hiện tại T ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh và thu hồi được chiếc xe này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thụ lý, giải quyết vụ việc và triệu tập T2 đến làm việc nên T2 biết được vị trí để của chiếc xe ô tô trên tại lán xe ở sân phía sau của Công an huyện K. Khoảng 3 giờ, ngày 27/11/2020, T2 đến Công an huyện K trộm cắp chiếc xe ô tô trên và bỏ chạy, đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã phát hiện được T2 và thu giữ chiếc xe ô tô trên và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh T2 về Tội trộm cắp tài sản. Đến ngày 18/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã ra bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố đối với T2, Còn chiếc xe ô tô tải, biển số 89C - 140.59 đã trả lại Công an huyện để giải quyết trong vụ án hình sự này.

Để có căn cứ định giá tài sản đối với chiếc xe đạp màu trắng của ông D bị trộm cắp, không thu hồi được nên ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành cho ông D nhận diện chiếc xe đạp đó tại cửa hàng xe đạp của ông Phạm Văn T, sinh năm 1957 tại thôn B, xã T, huyện K và ông D đã chỉ 01 chiếc xe đạp liên doanh giữa

Việt Nam và Đài Loan, loại xe cào cào giống với chiếc xe đạp màu trắng của ông bị trộm cắp.

Ngày 04/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và ngày 05/01/2021 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Đặng Văn T1 về Tội trộm cắp tài sản nhưng T1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 21/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã đối với T1. Đến ngày 28/01/2021, Công an tỉnh Hưng Yên bắt được T1 theo quyết định truy nã và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành cho Đặng Văn T1, Nguyễn Minh T2 xem đoạn video hình ảnh đã trích xuất, T1 và T2 khẳng định hai nam thanh niên đang bê hai chiếc xe đạp lên thùng xe ô tô trong đoạn video trên chính là T1 và T2.

Kết luận định giá tài sản số 85/HĐĐG-KL ngày 02/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện K, kết luận: 01 chiếc xe đạp mini màu xanh có giá trị là 600.000 đồng; 01 chiếc xe đạp nữ, loại xe cào cào, có giá trị là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là 1.600.000 đồng.

Kết luận giám định số 8097/C09-P6 ngày 27/11/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video gửi giám định.

Quá trình điều tra, bị can Đặng Văn T1 đã thành khẩn khai nhận hành vi tội phạm của mình.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh T2 ngày 31/10/2020 đã cùng T1 trộm cắp 02 chiếc xe đạp nêu trên, nhưng tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Bản thân T2 chưa có tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Xét về nhân thân của T2 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên đã xử phạt T2 02 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, nhưng T2 đã kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm đến ngày 04/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ra Bản án hình sự phúc thẩm số 58/2020/HS-PT, quyết định không chấp nhận kháng cáo của T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Do hành vi trộm cắp nêu trên của T2 xảy ra trước khi có Bản án phúc thẩm, nên hành vi của T2 chưa cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 về hành vi trên theo quy định pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thúy H và anh Lý Thành L đã mua xe đạp của T1 và T2 nhưng các anh, chị không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng và những đồ vật tài sản liên quan trong vụ án: Đối với 01 xe ô tô tải, BKS: 89C - 140.59 cùng 01 chìa khóa xe ô tô là của chị Y nhưng chị không biết T2 sử dụng để làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Đối với 01 chiếc xe đạp mini màu xanh là của vợ chồng ông D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả cho ông D. Đối với 01 chiếc xe đạp màu trắng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu hồi, quản lý được.

01 USB lưu video hình ảnh vụ việc trộm cắp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng ông D và bà Y yêu cầu T1 phải có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe đạp màu trắng trị giá là 1.000.000 đồng do không thu hồi lại được. Anh Long tự nguyện không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Cáo trạng số: 20/CT-VKSKĐ ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố bị cáo Đặng Văn T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Về trách nhiệm dân sự bị cáo nhất trí tự nguyện bồi thường cho vợ chồng ông Vũ Văn D và bà Ngô Thị Y giá trị chiếc xe đạp màu trắng trị giá là 1.000.000 đồng, bị cáo tự nguyện không yêu cầu T2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Y xác định: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn chính xác và phù hợp với diễn biến vụ việc, chị đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho chị chiếc xe ô tô; BKS: 89C-140.59 và 01 chiếc chìa khóa xe là tài sản của chị do chị không biết T2 đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, chị tự nguyện không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị tuyên bố bị cáo: Đặng Văn T1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Đề nghị xử phạt bị cáo: Đặng Văn T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 28/01/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 357; 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Đề nghị buộc bị cáo Đặng Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông Vũ Văn D và bà Ngô Thị Y giá trị chiếc xe đạp màu trắng trị giá là 1.000.000 đồng.

- Đối với số tiền là 100.000 đồng do phạm tội mà có của bị cáo bán chiếc xe đạp mini màu xanh cho anh L, do anh L không có đề nghị gì về số tiền này nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Vật chứng: Đề nghị trả lại cho chị Đào Thị Y 01 chiếc xe ô tô tải; BKS: 89C - 140.59 và 01 chiếc chìa khóa xe ô tô. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Y do chị Y không biết T2 đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 chiếc USB có liên quan đến vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ, ngày 31/10/2020, tại thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên, Đặng Văn T1 và Nguyễn Minh T2 đã có hành vi trộm cắp 02 chiếc xe đạp của vợ chồng ông Vũ Văn D và bà Ngô Thị Y có tổng trị giá tài sản là 1.600.000 đồng (dưới 2.000.000 đồng), do trước đó bị cáo đã có tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt xong mà lại thực hiện hành vi trộm cắp nên hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy. Do vậy để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có ích cho gia đình và xã hội cần phải tuyên phạt bị cáo một hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

+ Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu nhiều lần bị đưa ra xét xử về các tội Đánh bạc; Tàng trữ trái phép chất ma túy và xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Đặng Đức Q đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác mà bị cáo được hưởng thêm quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, mức độ nghiêm trọng do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử nhận thấy để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội cần tuyên phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi của T2 cùng T1 trộm cắp 02 chiếc xe đạp nêu trên, nhưng tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Bản thân T2 chưa có tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Xét về nhân thân của T2 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên đã xử phạt Tuấn 02 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, nhưng T2 đã kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm đến ngày 04/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ra Bản án hình sự phúc thẩm số 58/2020/HS-PT, quyết định không chấp nhận kháng cáo của T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Do hành vi trộm cắp nêu trên của T2 xảy ra trước khi có Bản án phúc thẩm, nên hành vi của T2 chưa cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với T2 là phù hợp và đúng pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thúy H và anh Lý Thành L đã mua xe đạp của T1 và T2 nhưng các anh, chị không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra người bị hại là ông Vũ Văn D và bà Ngô Thị Y có quan điểm yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông, bà giá trị tài sản là 01 chiếc xe đạp màu trắng mà bị cáo đã trộm cắp trị giá là 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhất trí tự nguyện bồi thường cho vợ chồng ông D và bà Y số tiền trên và tự nguyện không yêu cầu T2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường với bị cáo. Xét thấy yêu cầu của vợ chồng ông D và bà Y hoàn toàn chính đáng và sự tự nguyện bồi thường của bị cáo là phù hợp nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông D và bà Y toàn bộ giá trị chiếc xe đạp màu trắng mà bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng ông D và bà Y số tiền là: 1.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[7] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng mà bị cáo đã bán chiếc xe đạp mini màu xanh cho anh L, do phạm tội mà có.

[8] Vật chứng:

+ Trả lại cho chị Đào Thị Y 01 chiếc xe ô tô tải; BKS: 89C - 140.59 và 01 chiếc chìa khóa xe ô tô. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Y do chị Y không biết T2 đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2021 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động)

+ Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 chiếc USB có liên quan đến vụ án.

[9] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm và không có thu nhập ổn định nên xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí trách nhiệm dân sự theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn T1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo: Đặng Văn T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 28/01/2021.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; 360; 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Đặng Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông D và bà Y giá trị chiếc xe đạp màu trắng trị giá là 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền bồi thường mà bị cáo không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời giam chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 100.000 đồng của bị cáo do phạm tội mà có.

- Vật chứng: Trả lại cho chị Đào Thị Y 01 chiếc xe ô tô tải; BKS: 89C - 140.59 và 01 chiếc chìa khóa xe ô tô.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2021 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện K)

+ Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 chiếc USB có liên quan đến vụ án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng án phí trách nhiệm dân sự.

- ***Quyền kháng cáo:*** Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện;
- VKS + THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Lũng